

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý I năm 2016



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT**

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,  
đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****MẪU B 01-DN/HN**

Ngày 31 tháng 3 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/3/2016	01/01/2016
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.288.276.305.107</b>	<b>1.339.388.682.418</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>404.414.666.718</b>	<b>416.449.029.291</b>
1. Tiền	111	5.1	404.414.666.718	416.449.029.291
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	<b>64.601.221.391</b>	<b>67.110.227.391</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		64.601.221.391	64.601.221.391
2. DP giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			2.509.006.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>695.088.551.180</b>	<b>712.662.027.259</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	388.064.570.874	344.059.027.580
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		137.987.022.135	270.101.786.092
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		7.700.000.000	7.700.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	162.601.668.660	91.149.011.334
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(1.264.710.489)	(347.797.747)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.5</b>	<b>115.273.698.592</b>	<b>124.301.767.143</b>
1. Hàng tồn kho	141		116.235.775.743	124.301.767.143
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(962.077.151)	
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>8.898.167.226</b>	<b>18.865.631.334</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	772.499.414	477.860.625
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.038.364.226	18.253.094.653
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		87.303.586	134.676.056
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>880.201.560.751</b>	<b>761.589.240.949</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>31.743.071.300</b>	<b>36.908.681.864</b>
1. Phải thu dài hạn khách hàng	211		1.542.991.300	6.908.681.864
6. Phải thu dài hạn khác	216		30.200.080.000	30.000.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>300.772.190.136</b>	<b>326.647.673.075</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	300.619.802.733	326.526.996.692
- Nguyên giá	222		504.787.947.612	531.178.040.341
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(204.168.144.879)	(204.651.043.649)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	152.387.403	120.676.383
- Nguyên giá	228		902.769.126	860.769.126
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(750.381.723)	(740.092.743)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>			
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>8.505.581.465</b>	<b>1.958.105.876</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		8.505.581.465	1.958.105.876
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.2</b>	<b>395.297.631.851</b>	<b>383.811.749.592</b>
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		258.871.141.116	255.579.885.592
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		136.426.490.735	128.231.864.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>143.883.085.999</b>	<b>12.263.030.542</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	5.072.865.830	6.647.991.333
4. Tài sản dài hạn khác	268		30.000.000	
5. Lợi thế thương mại	269		138.780.220.169	5.615.039.209
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>2.168.477.865.858</b>	<b>2.100.977.923.367</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THÔNG NHẤT**

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,  
đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 01-DN/HN**

Ngày 31 tháng 3 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/3/2016	01/01/2016
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>435.688.447.274</b>	<b>1.103.558.860.476</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>388.231.652.779</b>	<b>867.830.549.115</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	183.825.508.700	80.404.696.898
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		25.049.413.218	25.483.504.696
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	17.885.581.360	19.572.156.332
4. Phải trả người lao động	314		5.507.717.358	6.366.227.124
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	6.522.663.898	12.906.992.842
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		509.681.572	
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	104.277.717.746	331.972.869.741
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.9	44.290.932.578	390.747.465.133
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		362.436.349	376.636.349
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>47.456.794.495</b>	<b>235.728.311.361</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		9.648.604.799	16.197.670.706
7. Phải trả dài hạn khác	337		5.876.443.656	5.745.024.396
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		31.758.355.040	213.603.305.259
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			8.920.000
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		173.391.000	173.391.000
<b>D. NGUỒN VỐN (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>1.732.789.418.584</b>	<b>997.419.062.891</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>1.732.789.818.584</b>	<b>997.419.062.891</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	5.14	1.500.000.000.000	748.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.500.000.000.000	748.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		71.370.400.000	
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.099.832.391	683.081.038
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		247.043.094	221.299.709
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	5.14	105.487.322.661	101.951.485.611
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		101.951.485.611	47.051.431.269
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.535.837.050	54.900.054.342
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		54.585.220.438	146.563.196.533
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>(400.000)</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		(400.000)	
2. Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	432			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.168.477.865.858</b>	<b>2.100.977.923.367</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT**

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,  
đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 01-DN/HN**

Ngày 31 tháng 3 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/3/2016	01/01/2016
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Tài sản nhận giữ hộ		-	-
3. Ngoại tệ các loại USD		423,624	-
4. Kim khí quý, đá quý		-	-
5. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-

Thành phố Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2016



**TẠ VĂN QUYỀN**  
Tổng Giám đốc

**HOÀNG MẠNH CƯỜNG**  
Kế toán trưởng

**NGUYỄN THỊ THU HUYỀN**  
Người lập biểu

11/1 01/01/2016

3

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT**

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,  
đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Quý I năm 2016

**MẪU B 02-DN/HN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015
<b>1.Doanh thu cung cấp hàng hóa và dịch vụ</b>	01	<b>6.1</b>	<b>745.682.710.422</b>	<b>234.339.131.246</b>	<b>745.682.710.422</b>	<b>234.339.131.246</b>
2.Các khoản giảm trừ doanh thu	02		302.090	-	302.090	-
<b>3.Doanh thu thuần từ hàng hóa và dịch vụ(10 = 01 - 02)</b>	10		<b>745.682.408.332</b>	<b>234.339.131.246</b>	<b>745.682.408.332</b>	<b>234.339.131.246</b>
4.Giá vốn hàng bán	11	<b>6.2</b>	726.030.967.244	230.791.638.782	726.030.967.244	230.791.638.782
<b>5.Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV(20 = 10 - 11)</b>	20		<b>19.651.441.088</b>	<b>3.547.492.464</b>	<b>19.651.441.088</b>	<b>3.547.492.464</b>
6.Doanh thu hoạt động tài chính	21	<b>6.3</b>	3.200.589.473	6.292.805.422	3.200.589.473	6.292.805.422
7.Chi phí hoạt động tài chính	22	<b>6.4</b>	1.774.750.847	447.748.178	1.774.750.847	447.748.178
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>809.509.233</i>	<i>114.813.448</i>	<i>809.509.233</i>	<i>114.813.448</i>
8. Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		5.485.882.259	387.929.016	5.485.882.259	387.929.016
9.Chi phí bán hàng	25	<b>6.7</b>	3.102.243.478	914.578.521	3.102.243.478	914.578.521
10.Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	<b>6.7</b>	13.852.114.879	2.981.045.677	13.852.114.879	2.981.045.677
<b>11.Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh(30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	30		<b>9.608.803.616</b>	<b>5.884.854.526</b>	<b>9.608.803.616</b>	<b>5.884.854.526</b>
12.Thu nhập khác	31	<b>6.5</b>	2.712.736.716	11.846.458.328	2.712.736.716	11.846.458.328
13.Chi phí khác	32	<b>6.6</b>	2.858.907.592	4.726.093.760	2.858.907.592	4.726.093.760
<b>14.Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	40		<b>(146.170.876)</b>	<b>7.120.364.568</b>	<b>(146.170.876)</b>	<b>7.120.364.568</b>
<b>15.Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50 = 30 + 40)</b>	50		<b>9.462.632.740</b>	<b>13.005.219.094</b>	<b>9.462.632.740</b>	<b>13.005.219.094</b>
16.Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	<b>6.9</b>	5.920.531.510	2.873.035.078	5.920.531.510	2.873.035.078
<b>18.Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60 = 50 - 51 - 52)</b>	60		<b>3.542.101.230</b>	<b>10.132.184.016</b>	<b>3.542.101.230</b>	<b>10.132.184.016</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		3.812.941.789	9.322.565.133	3.812.941.789	9.322.565.133
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(270.840.559)	809.618.883	(270.840.559)	809.618.883
19.Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	70	<b>6.10</b>	25,42	149,00	25,42	149,00



Thành phố Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2016

**TẠ VĂN QUYỀN**  
Tổng Giám đốc

**HOÀNG MẠNH CƯỜNG**  
Kế toán trưởng

**NGUYỄN THU HUYỀN**  
Người lập biểu

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT**

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mễ Trì Hạ,  
đường Phạm Hùng, Xã Mễ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Quý I năm 2016

**MẪU B 03-DN/HN**

Đơn vị tính: VND

KHOẢN MỤC	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm 2016	Năm 2015
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	9.462.632.740	13.005.219.094
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	7.535.622.834	5.375.043.986
- Các khoản dự phòng	03	1.878.989.893	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.200.319.153)	(6.292.805.422)
- Chi phí lãi vay	06	809.509.233	416.767.796
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	16.486.435.547	12.504.225.454
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	30.398.160.350	(86.438.432.962)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	8.065.991.400	(58.897.010.165)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(293.979.215.387)	115.796.610.869
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(131.884.694.246)	(903.926.392)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(809.509.233)	(381.012.240)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8.120.249.181)	0
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	93.834.691.041	0
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(31.453.460.491)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ H.Đ.Đ. kinh doanh</b>	20	<b>(317.461.850.200)</b>	<b>(18.319.545.436)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ H. ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(207.804.300)	(1.901.351.681)
2. Tiền thu từ TL, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(30.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		51.200.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.806.374.701	15.209.191
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>7.598.570.401</b>	<b>19.313.857.510</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ H. ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ SH	31	823.370.400.000	
3. Tiền thu từ đi vay	33	85.014.460.702	22.488.784.238
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(610.555.943.476)	(25.368.765.919)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>297.828.917.226</b>	<b>(2.879.981.681)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	50	<b>(12.034.362.573)</b>	<b>(1.885.669.607)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	416.449.029.291	11.452.072.713
Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	404.414.666.718	9.566.403.106

Thành phố Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2016



**TẠ VĂN QUYỀN**  
Tổng Giám đốc

**HOÀNG MẠNH CƯỜNG**  
Kế toán trưởng

**NGUYỄN THỊ THU HUYỀN**  
Người lập biểu

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mễ Trì Hạ,  
đường Phạm Hùng, Xã Mễ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2016

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2016

MẪU B 09-DN/HN

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Thống Nhất (gọi tắt là "Công ty").

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Thống Nhất tiền thân là Công ty Cổ phần Khoáng sản và Môi trường Đại Việt, là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số 0105334948 ngày 30 tháng 5 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được đổi tên từ "Công ty Cổ phần Khoáng sản và Môi trường Đại Việt" thành "Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Thống Nhất", các thay đổi về ngành nghề kinh doanh cũng như vốn điều lệ của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội lần lượt chứng nhận tại các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi.

Cho đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 11 số 0105334948 vào ngày 02 tháng 02 năm 2016.

**Lĩnh vực kinh doanh:** Dịch vụ - Thương mại - Sản xuất

**Ngành, nghề kinh doanh:**

Hoạt động chính của Công ty hiện nay là: Xây dựng nhà các loại; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu; Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa...

**Trụ sở chính của Công ty tại:** Tầng 2, Tháp CEO, HH2-1 Mễ Trì Hạ, Đường Phạm Hùng, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Đình 2,  
đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Đình, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2016

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG CHỦ YẾU

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định khác về kế toán hiện hành tại Việt Nam.

#### 2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### 3. Công cụ tài chính

##### Ghi nhận ban đầu

##### **Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và ký quỹ ngắn hạn.

##### **Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ ngắn hạn và phải trả người bán.



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THÔNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,  
đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2016

### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

#### 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

#### 5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác.

#### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

#### 7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị văn phòng	3

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

#### 8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị phần mềm kế toán. Giá trị phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

#### 9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn thể hiện các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

#### 10. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện chi phí trang trí nội thất văn phòng làm việc, chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí trả trước dài hạn khác.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Đình Hạ,  
đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Đình, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2016

- Chi phí trang trí nội thất văn phòng làm việc được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 6 năm.
- Chi phí công cụ, dụng cụ và các chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

### 11. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận còn lại tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán từ các hoạt động kinh doanh của Công ty.

### 12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

#### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay

Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận khi tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoài trừ cổ tức ghi nhận bằng cổ phiếu chi theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

### 13. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

### 14. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THÔNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,  
đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2016

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### 15. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty trước khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

#### 16. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

#### 1. Tiền

	<u>31/3/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Tiền mặt	5.999.511.016	1.546.666.291
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	398.415.155.702	414.902.363.000
Tiền đang chuyển	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>404.414.666.718</u></b>	<b><u>416.449.029.291</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mễ Trì Hạ,  
đường Phạm Hùng, Xã Mễ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2016

#### 2. Các khoản đầu tư tài chính

##### 2.1 Chứng khoán kinh doanh

	31/3/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>Tổng giá trị cổ phiếu</b>	<b>64.601.221.391</b>	<b>96.048.000.000</b>	-	<b>64.601.221.391</b>	<b>69.600.000.000</b>	-
Công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi – Vilico (VLC)	64.601.221.391	96.048.000.000	-	64.601.221.391	69.600.000.000	-
<b>Tổng giá trị trái phiếu</b>	-	-	-	-	-	-
<b>Lý do thay đổi với từng khoản đầu tư/loại cổ phiếu, TP:</b>	-	-	-	-	-	-
+ Về số lượng	-	-	-	-	-	-
+ Về giá trị	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>64.601.221.391</b>	<b>96.048.000.000</b>	-	<b>64.601.221.391</b>	<b>69.600.000.000</b>	-

##### 2.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/3/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Dài hạn	-	-	-	-	-	-
- Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	-	-	-	-	-	-

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT**

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,  
đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2016

**2.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/3/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>258.871.141.116</b>	<b>258.871.141.116</b>	-	<b>253.385.258.857</b>	<b>253.385.258.857</b>	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng	80.559.234.268	80.559.234.268	-	75.073.352.009	75.073.352.009	-
Công ty CP ĐTSX và KD GB-TEA	29.000.000.000	29.000.000.000	-	29.000.000.000	29.000.000.000	-
Công ty chè Phú đa	143.044.800.000	143.044.800.000	-	143.044.800.000	143.044.800.000	-
Công ty cổ phần chè Trần Phú	3.242.731.000	3.242.731.000	-	3.242.731.000	3.242.731.000	-
Công ty cổ phần chè Kim anh	3.024.375.848	3.024.375.848	-	3.024.375.848	3.024.375.848	-
Công ty CP chè Thái nguyên				177.000.000	177.000.000	-
Công ty CP xây lắp vật tư kỹ thuật				1.512.953.935	1.512.953.935	-
Công ty cổ phần chè Hà tĩnh				364.672.800	364.672.800	-
Công ty CPKD Thái Bình Dương				140.000.000	140.000.000	-
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>136.426.490.735</b>	<b>136.426.490.735</b>	-	<b>128.231.864.000</b>	<b>128.231.864.000</b>	-
Công ty TNHH Thống Nhất	79.500.000.000	79.500.000.000	-	79.500.000.000	79.500.000.000	-
Công ty CP NLN Châu Giang	18.000.000.000	18.000.000.000	-	30.600.000.000	30.600.000.000	-
Công ty CP Granite Phú Yên	30.600.000.000	30.600.000.000	-	18.000.000.000	18.000.000.000	-
Công ty CP VLXD Thống Nhất MT	6.000.000.000	6.000.000.000	-			
Công ty CP chè Thái nguyên	177.000.000	177.000.000	-			
Công ty CP xây lắp vật tư kỹ thuật	1.512.953.935	1.512.953.935	-			
Công ty cổ phần chè Hà tĩnh	364.672.800	364.672.800	-			
Công ty CPKD Thái Bình Dương	140.000.000	140.000.000	-			
Các khoản đầu tư khác	*131.864.000	131.864.000	-	131.864.000	131.864.000	-
<b>Cộng</b>	<b>395.297.631.851</b>	<b>395.297.631.851</b>	-	<b>383.811.749.592</b>	<b>383.811.749.592</b>	-

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mễ Trì Hạ,  
đường Phạm Hùng, Xã Mễ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2016

#### 3. Phải thu của khách hàng

	<u>31/3/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	388.064.570.874	344.059.027.580
Phải thu của khách hàng dài hạn	1.542.991.300	6.908.681.864
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>389.607.562.174</u></b>	<b><u>350.967.709.444</u></b>

#### 4. Phải thu khác

	<u>31/3/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>162.601.668.660</b>	<b>91.149.011.334</b>
Phải thu về cổ phần hoá	-	-
PT về tiền lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	767.430.557	8.573.805.258
Phải thu tiền bán cổ phần	38.388.056.000	31.920.000.000
Ký cược, ký quỹ	43.740.009.791	14.712.661.331
Tạm ứng	21.174.408.266	20.234.511.103
Phải thu khác	58.531.764.046	15.708.033.642
<b>Dài hạn</b>	<b>30.200.080.000</b>	<b>30.000.000.000</b>
<b>Cộng</b>	<b><u>192.801.748.660</u></b>	<b><u>121.149.011.334</u></b>

#### 5. Hàng tồn kho

	<u>31/3/2016</u>		<u>01/01/2016</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường				
Nguyên liệu, vật liệu	20.544.270.252		19.699.736.990	-
Công cụ, dụng cụ	2.943.805.055		3.402.750.952	-
Chi phí SX, KD dở dang	57.019.251.969		67.100.419.873	-
Thành phẩm	31.316.829.213	(962.077.151)	27.273.558.915	-
Hàng hóa	4.411.619.254		6.825.300.413	-
<b>Cộng</b>	<b><u>116.235.775.743</u></b>	<b><u>(962.077.151)</u></b>	<b><u>124.301.767.143</u></b>	<b><u>-</u></b>

#### 6. Chi phí trả trước

	<u>31/3/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>772.499.414</b>	<b>477.860.625</b>
Công cụ, dụng cụ phân bổ	523.690.564	326.865.711
Chi phí đi vay		
Các khoản khác	248.808.850	150.994.914
<b>Dài hạn</b>	<b>5.072.865.830</b>	<b>6.647.991.333</b>
Chi phí nội thất văn phòng làm việc		1.896.496.819
Tiền thuê đất	973.373.581	
Công cụ, dụng cụ phân bổ	2.129.034.376	106.670.173
Các khoản khác	1.970.457.873	4.644.824.341

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT**

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,  
đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2016

**7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu kỳ	289.196.918.788	203.351.826.515	19.768.394.961	2.370.136.399	16.490.763.678	531.178.040.341
Tăng trong kỳ	81.364.087	628.550.212	60.731.275	-	1	770.645.575
Giảm trong kỳ	10.910.212.392	15.708.096.772	69.113.665	473.315.475	-	27.160.738.304
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>278.368.070.483</b>	<b>188.272.279.955</b>	<b>19.760.012.571</b>	<b>1.896.820.924</b>	<b>16.490.763.679</b>	<b>504.787.947.612</b>
<b>Giá trị mòn lũy kế</b>						
Số đầu kỳ	116.048.218.162	65.505.961.395	9.557.872.665	1.238.693.794	12.300.297.633	204.651.043.649
Tăng trong kỳ	2.898.714.065	4.629.163.049	447.569.735	63.276.402	319.349.577	8.358.072.828
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	<i>2.898.714.065</i>	<i>3.961.792.152</i>	<i>447.569.735</i>	<i>63.276.402</i>	<i>153.981.500</i>	<i>7.525.333.854</i>
<i>Tăng khác</i>	<i>-</i>	<i>667.370.897</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>165.368.077</i>	<i>832.738.974</i>
Giảm trong kỳ	3.830.171.879	4.581.528.299	143.050.410	286.221.010	-	8.840.971.598
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>115.116.760.348</b>	<b>65.553.596.145</b>	<b>9.862.391.990</b>	<b>1.015.749.186</b>	<b>12.619.647.210</b>	<b>204.168.144.879</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu kỳ	173.148.700.626	137.845.865.120	10.210.522.296	1.131.442.605	4.190.466.045	326.526.996.692
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>163.251.310.135</b>	<b>122.718.683.810</b>	<b>9.897.620.581</b>	<b>881.071.738</b>	<b>3.871.116.469</b>	<b>300.619.802.733</b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT**

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mễ Trì Hạ,  
đường Phạm Hùng, Xã Mễ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2016

**8. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Phần mềm kế toán</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu kỳ	-	860.769.126	860.769.126
Tăng trong kỳ	-	42.000.000	42.000.000
Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	-	<b>902.769.126</b>	<b>902.769.126</b>
<b>Giá trị mòn lũy kế</b>			
Số đầu kỳ	-	740.092.743	740.092.743
Tăng trong kỳ	-	10.288.980	10.288.980
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	-	<i>10.288.980</i>	<i>10.288.980</i>
<i>Tăng do hợp nhất</i>	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	-	<b>750.381.723</b>	<b>750.381.723</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu kỳ	-	120.676.383	120.676.383
<b>Số cuối kỳ</b>	-	<b>152.387.403</b>	<b>152.387.403</b>

15/03/2016



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THÔNG NHẤT**

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,  
đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2016

**9. Vay và nợ thuê tài chính****9.1 Vay ngắn hạn và dài hạn**

	01/01/2016		Trong kỳ		31/3/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	390.747.465.133	390.747.465.133	57.074.805.662	403.531.338.217	44.290.932.578	44.290.932.578
Vay dài hạn	213.603.305.259	213.603.305.259	27.939.655.040	209.784.605.259	31.758.355.040	31.758.355.040
<b>Cộng</b>	<b>604.350.770.392</b>	<b>604.350.770.392</b>	<b>85.014.460.702</b>	<b>613.315.943.476</b>	<b>76.049.287.618</b>	<b>76.049.287.618</b>

**9.2 Các khoản nợ thuê tài chính**

Thời hạn	Năm nay			Năm trước		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Vay ngắn hạn từ 1 năm trở xuống	-	-	-	-	-	-
Trên 1 năm đến 5 năm	-	-	-	-	-	-
Trên 5 năm	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**9.3 Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán**

	31/3/2016		01/01/2016	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
Vay	-	-	-	-
Nợ thuê tài chính	-	-	-	-
Lý do chưa thanh toán	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT**

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mễ Trì Hạ,  
đường Phạm Hùng, Xã Mễ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2016

**10. Phải trả người bán**

	<u>31/3/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	183.825.508.700	80.404.696.898
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>183.825.508.700</u></b>	<b><u>80.404.696.898</u></b>
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
<b>Cộng</b>	-	-
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	-	-
	-	-

**11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>31/3/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Thuế giá trị gia tăng	10.048.790.150	8.171.002.493
Thuế xuất, nhập khẩu	10.244.157	10.244.157
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.318.233.383	9.517.951.054
Thuế thu nhập cá nhân	508.313.670	39.796.447
Thuế tài nguyên		3.869.858
Các loại thuế khác		1.829.292.323
<b>Cộng</b>	<b><u>17.885.581.360</u></b>	<b><u>19.572.156.332</u></b>

**12. Chi phí phải trả**

	<u>31/3/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
<b>Ngắn hạn</b>	<b><u>6.522.663.898</u></b>	<b><u>12.906.992.842</u></b>
Chi phí đi vay	6.522.663.898	12.767.376.923
Các khoản khác		-
<b>Dài hạn</b>		139.615.919
Chi phí thành lập doanh nghiệp	-	-
Các khoản khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>6.522.663.898</u></b>	<b><u>12.906.992.842</u></b>

**13. Phải trả khác**

	<u>31/3/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
<b>Ngắn hạn</b>	<b><u>104.277.717.746</u></b>	<b><u>331.972.869.741</u></b>
Kinh phí công đoàn	23.373.367	24.017.617
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, thất nghiệp	81.795.584	19.407.100
Phải trả về cổ phần hóa và phải trả khác tại TCT Chè		331.826.748.704
Các khoản phải trả, phải nộp khác	104.172.548.795	102.696.320
<b>Dài hạn</b>	<b><u>5.876.443.656</u></b>	<b><u>5.745.024.396</u></b>
<b>Cộng</b>	<b><u>110.154.161.402</u></b>	<b><u>337.717.894.137</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT**

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,  
đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2016

**14. Vốn chủ sở hữu**

Tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	680.000.000.000	-	-	-	115.156.907.337	795.156.907.337
<b>Tăng trong năm</b>		-				
Tăng vốn trong năm	68.000.000.000	-	-	-	-	68.000.000.000
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	54.900.054.342	54.900.054.342
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-
Tăng khác do hợp nhất	-	-	683.081.038	221.299.709	-	904.380.747
Chia cổ tức	-	-	-	-	(68.000.000.000)	(68.000.000.000)
Giảm do hợp nhất	-	-	-	-	(105.476.068)	(105.476.068)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>748.000.000.000</b>	-	<b>683.081.038</b>	<b>221.299.709</b>	<b>101.951.485.611</b>	<b>850.855.866.358</b>
<b>Tăng trong kỳ</b>	<b>752.000.000.000</b>	<b>71.370.400.000</b>	<b>416.751.353</b>	<b>25.743.385</b>	<b>3.812.941.789</b>	<b>1.678.481.702.885</b>
Tăng vốn trong kỳ	752.000.000.000	71.370.400.000	-	-	-	823.370.400.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	3.812.941.789	3.812.941.789
Tăng do hợp nhất	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	416.751.353	25.743.385	-	442.494.738
<b>Giảm trong kỳ</b>	-	-	-	-	<b>277.104.739</b>	<b>277.104.739</b>
Giảm do hợp nhất	-	-	-	-	277.104.739	277.104.739
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.500.000.000.000</b>	<b>71.370.400.000</b>	<b>1.099.832.391</b>	<b>247.043.094</b>	<b>3.535.837.050</b>	<b>1.678.204.598.146</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Đình 2,  
đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Đình, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2016

### Cổ phiếu

	31/3/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	150.000.000	74.800.000
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng	150.000.000	74.800.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>150.000.000</i>	<i>74.800.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	150.000.000	74.800.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>150.000.000</i>	<i>74.800.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>745.682.710.422</b>	<b>234.339.131.246</b>	<b>745.682.710.422</b>	<b>234.339.131.246</b>
Doanh thu bán hàng	744.483.584.045	232.147.737.187	744.483.584.045	232.147.737.187
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.199.126.377	97.267.695	1.199.126.377	97.267.695
Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	2.094.126.364	-	2.094.126.364
<b>Doanh thu đối với các BLQ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Các khoản giảm trừ DT	302.090	-	302.090	-

### 2. Giá vốn hàng bán

	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015
Giá vốn hàng bán	726.030.967.244	228.966.626.512	726.030.967.244	228.966.626.512
Giá vốn dịch vụ	-	91.330.495	-	91.330.495
Giá vốn xây dựng	-	1.733.681.775	-	1.733.681.775
<b>Cộng</b>	<b>726.030.967.244</b>	<b>230.791.638.782</b>	<b>726.030.967.244</b>	<b>230.791.638.782</b>

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.132.168.222	15.209.191	1.132.168.222	15.209.191
Lãi bán các khoản đầu tư	2.068.150.931	6.250.000.000	2.068.150.931	6.250.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	270.320	27.596.231	270.320	27.596.231
<b>Cộng</b>	<b>3.200.589.473</b>	<b>6.292.805.422</b>	<b>3.200.589.473</b>	<b>6.292.805.422</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mễ Trì Hạ,  
đường Phạm Hùng, Xã Mễ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2016

### 4. Chi phí tài chính

	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015
Lãi tiền vay	809.509.233	416.767.796	809.509.233	416.767.796
Lỗ chênh lệch tỷ giá	51.424.370	30.980.382	51.424.370	30.980.382
Chi phí tài chính khác	913.817.244	-	913.817.244	-
Các khoản ghi giảm chi phí TC				
<b>Cộng</b>	<b>1.774.750.847</b>	<b>447.748.178</b>	<b>1.774.750.847</b>	<b>447.748.178</b>

### 5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	13.852.114.879	2.981.045.677	13.852.114.879	2.981.045.677
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	3.102.243.478	914.578.521	3.102.243.478	914.578.521
Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp				
<b>Cộng</b>	<b>16.954.358.357</b>	<b>3.895.624.198</b>	<b>16.954.358.357</b>	<b>3.895.624.198</b>

### 6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.920.531.510	2.873.035.078	5.920.531.510	2.873.035.078
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.920.531.510	2.873.035.078	5.920.531.510	2.873.035.078

### 7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận kế toán sau thuế	3.542.101.230	10.132.184.016	3.542.101.230	10.132.184.016
Các điều chỉnh để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(270.840.559)	-	(270.840.559)	-
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>3.812.941.789</b>	<b>10.132.184.016</b>	<b>3.812.941.789</b>	<b>10.132.184.016</b>
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	150.000.000	68.000.000	150.000.000	68.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>25,42</b>	<b>149,00</b>	<b>25,42</b>	<b>149,00</b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,  
đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2016

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Thông tin các bên liên quan

#### Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

*Các bên liên quan trong kỳ tài chính với Công ty bao gồm:*

#### Các bên liên quan

#### Mối quan hệ

Công ty TNHH Trading Thống Nhất	Công ty con
Công ty Cổ Phần Vật Liệu Xây Dựng Thống Nhất Miền Trung	Công ty con
Công ty cổ phần Năng lượng Thống Nhất	Công ty con
Công ty cổ phần Tre Mộc Châu	Công ty con
Công ty TNHH MTV Nông sản Thống Nhất	Công ty con
Công ty CP Vật tư NN TN Tây Nguyên	Công ty con
Tổng công ty Chè Việt Nam - Công ty CP	Công ty con
Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng	Công ty liên kết
Công ty cổ phần đầu tư sản xuất và kinh doanh GB-TEA	Công ty liên kết
Công ty chè Phú đa	Công ty liên kết
Công ty cổ phần chè Trần Phú	Công ty liên kết
Công ty cổ phần chè Kim anh	Công ty liên kết

### 2. Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

#### *Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 bộ phận theo lĩnh vực hoạt động kinh doanh: Hoạt động bán hàng (bao gồm bán hàng hóa: đồ gia dụng, nông, lâm sản nguyên liệu, phân bón và sản phẩm nông hóa) và hoạt động xây dựng. Công ty lập Báo cáo bộ phận theo 2 bộ phận kinh doanh này

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT**

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,  
đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2016

Thông tin về tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Phân bón	Nông Sản	Sản phẩm Chè	Sản phẩm Nhựa	Khác	Cộng
<b>KẾT QUẢ KINH DOANH</b>						
Doanh thu thuần từ bán hàng	367.973.936.546	331.007.500.000	32.871.959.019	12.534.165.390	1.294.847.377	745.682.408.332
Chi phí bộ phận	(357.660.753.231)	(330.900.999.975)	(27.334.252.550)	(9.773.674.507)	(361.286.981)	(726.030.967.244)
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	10.313.183.315	106.500.025	5.537.706.469	2.760.490.883	933.560.396	19.651.441.088
Chi phí không phân bổ						(16.954.358.357)
Doanh thu tài chính						3.200.589.473
Chi phí tài chính						(1.774.750.847)
Thu nhập khác						2.712.736.716
Chi phí khác						(2.858.907.592)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết						5.485.882.259
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	10.313.183.315	106.500.025	5.537.706.469	2.760.490.883	933.560.396	9.462.632.740
Chi phí thuế TNDN						(5.920.531.510)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	10.313.183.315	106.500.025	5.537.706.469	2.760.490.883	933.560.396	3.542.101.230
<b>TÀI SẢN</b>						
Tài sản bộ phận	44.600.165.885	782.675.877.271	601.391.246.108	196.336.549.703	543.474.026.891	2.168.477.865.858
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>						
Nợ phải trả bộ phận	23.971.129.156	150.907.130.132	227.071.104.773	33.197.730.681	541.352.532	435.688.447.274

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,  
đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2016

### Bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu diễn ra tại Hà Nội

### 3. Công cụ tài chính

#### Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

#### Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

#### Các loại công cụ tài chính

	Giá trị sổ sách	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	404.414.666.718	416.449.029.291
Đầu tư ngắn hạn	64.601.221.391	67.110.227.391
Phải thu khách hàng	388.064.570.874	344.059.027.580
Các khoản phải thu khác	162.601.668.660	91.149.011.334
<b>Cộng</b>	<b>1.019.682.127.643</b>	<b>918.767.295.596</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ ngắn hạn	44.290.932.578	604.350.770.392
Phải trả người bán	183.825.508.700	418.122.591.035
Chi phí phải trả	-	12.906.992.842
<b>Cộng</b>	<b>228.116.441.278</b>	<b>1.035.380.354.269</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

#### Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,  
đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2016

#### Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do hoạt động kinh doanh đồ gia dụng, các hoạt động xây dựng và khai thác khoáng sản ở trong nước (Khu vực phía Bắc) được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

#### Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

#### Quản lý rủi ro về giá của cổ phiếu

Rủi ro về giá của cổ phiếu là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của các cổ phiếu sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

#### Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành, nghề kinh doanh, công ty đầu tư... Theo tình hình thị trường hiện nay, Công ty đánh giá giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn, các khoản cho vay ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng...).

#### Phải thu khách hàng

Hoạt động kinh doanh của Công ty hiện nay chủ yếu được chia làm 3 hoạt động chính: lĩnh vực thương mại (mua bán đồ gia dụng); chủ yếu thu tiền ngay; hoạt động xây dựng và khai thác khoáng sản: Công ty thực hiện giao thầu thi công, khai thác cho đơn vị bên ngoài do đó công nợ phải thu khách hàng tương ứng với công nợ phải trả nhà thầu, đơn vị khai thác bên ngoài, điều kiện thanh toán theo tiến độ công việc hoàn thành. Công ty tin tưởng rằng không có rủi ro tín dụng trọng yếu đối với khoản phải thu khách hàng.

#### Các khoản cho vay ngắn hạn

Công ty cho các cá nhân vay, mượn tiền trong vòng 1 năm với lãi suất 10,5%/năm. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các cá nhân có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

#### Tiền và các khoản tương đương tiền

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,  
đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2016

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tình thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>				
Vay và nợ ngắn hạn	44.290.932.578			44.290.932.578
Phải trả người bán	183.825.508.700			183.825.508.700
<b>Cộng</b>	<b>228.116.441.278</b>			<b>228.116.441.278</b>
<b>Số cuối kỳ</b>				
Tiền và các khoản TĐ tiền	404.414.666.718			404.414.666.718
Đầu tư ngắn hạn	64.601.221.391			64.601.221.391
Phải thu khách hàng	388.064.570.874			388.064.570.874
Các khoản phải thu khác	162.601.668.660			162.601.668.660
<b>Cộng</b>	<b>1.019.682.127.643</b>			<b>1.019.682.127.643</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần cuối kỳ</b>	<b>791.565.686.365</b>			<b>791.565.686.365</b>
<b>Số đầu kỳ</b>				
Vay và nợ ngắn hạn	390.747.465.133			604.350.770.392
Phải trả người bán	412.377.566.639			418.122.591.035
Chi phí phải trả	12.906.992.842			12.906.992.842
<b>Cộng</b>	<b>816.032.024.614</b>			<b>1.035.380.354.269</b>
<b>Số đầu kỳ</b>				
Tiền và các khoản TĐ tiền	416.449.029.291			416.449.029.291
Đầu tư ngắn hạn	74.810.227.391			74.810.227.391
Phải thu khách hàng	442.116.720.778			442.116.720.778
Đầu tư dài hạn	-			-
Các khoản phải thu khác				
<b>Cộng</b>	<b>933.375.977.460</b>			<b>933.375.977.460</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần đầu kỳ</b>	<b>117.343.952.846</b>			<b>117.343.952.846</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THÔNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mễ Trì Hạ,  
đường Phạm Hùng, Xã Mễ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2016

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

#### 4. Thông tin so sánh

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

Thành phố Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2016



TẠ VĂN QUYỀN  
Tổng Giám đốc

HOÀNG MẠNH CƯỜNG  
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ THU HUYỀN  
Người lập biểu

